TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NĂM VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 167/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 12 năm 2024
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Phi Hùng
Ông Trần Văn Thắng

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Đỗ Hồng Như – Là thư ký Toà án nhân dân huyện Thới Bình.

Ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 327/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Phi Th, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 10, xã T, huyện TB, tỉnh Cà Mau

-*Bị đơn:* Bà Lê Thị Bé N, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp 10, xã T, huyện TB, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Ông Phạm Phi Th trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Ông Phạm Phi Th và bà Lê Thị Bé N chung sống với nhau năm 2005, có tổ chức cưới gã theo phong tục tập quán, nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau. Nên ông và bà Năm đã ly thân 10 năm nay. Ông xác định hiện vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên tôi yêu cầu ly hôn với bà N.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 01/01/2006 con đã trưởng thành có sức khoẻ lao động bình thường nên không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà Năm không có tài sản chung

Về nợ chung: Ông xác định không có nợ chung.

- Bị đơn bà Lê Thị Bé N trình bày:

Về hôn nhân: Bà xác định về thời gian chung sống, điều kiện chung sống và không có đăng ký kết hôn đúng như ông Th trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn và đã ly thân 10 năm nay. Nên hiện ông Th xin ly hôn bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 01/01/2006, con đã trưởng thành có sức khoẻ lao động bình thường nên không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định bà và ông Th không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông Th không có nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa ông Phạm Phi Th và bà Lê Thị Bé N được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn bà Lê Thị Bé N có nơi cư trú tại xã T, huyện TB nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Lê Thị Bé N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Phạm Phi Th và bà Lê Thị Bé N tự nguyện chung sống với nhau vào 2005 nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa ông Th và bà Bé N đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống do có mâu thuẫn, nên ông Th yêu cầu xin ly hôn, bà Bé N đồng ý. Nên căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa ông Th và bà Bé N không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông Th và bà Bé N có 01 con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 01/01/2006, con đã trưởng thành có sức khoẻ lao động bình thường nên không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Ông Th và bà Bé N xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Ông Th và bà Năm khai không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Ông Th phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận ông Phạm Phi Th và chị Lê Thị Bé N là vợ chồng.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Ngọc M, sinh ngày 01/01/2006, con hiện đều đã trưởng thành, không đặt ra việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, ông Phạm Phi Th phải chịu. Ông Th đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0016618 vào ngày 15/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ, ông Th đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Kim Cương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ.